

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

HOÀNG ĐỨC LÂM

Khoa Sư Phạm

MỤC LỤC

PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ	4
CHƯƠNG I. TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC	4
I. TÂM LÝ HỌC LÀ GÌ ?	4
1. Đặt vấn đề	4
2. Tâm lý là gì?	4
II. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ TÂM LÝ HỌC	5
1. Tâm lý học thời cổ đại	6
2. Tâm lý học cận đại	7
3. Sự bế tắc của tâm lý học duy tâm	8
4. Tâm lý học thế kỷ XX	9
5. Tâm lý học hoạt động	11
III. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA TÂM LÝ HỌC	14
CHƯƠNG II: CHỨC NĂNG CỦA TÂM LÝ TRONG ĐỜI SỐNG	15
I. CHỨC NĂNG, VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA TÂM LÝ TRONG ĐỜI SỐNG	15
1. Chức năng chung của tâm lý	15
2. Vị trí của tâm lý học	15
3. Vai trò của tâm lý trong đời sống	15
II. Ý THỨC	16
1. Định nghĩa	16
2. Đặc điểm của ý thức	16
3. Vô thức là gì ?	16
III. CƠ SỞ SINH LÝ CỦA CÁC HIỆN TƯỢNG LÝ	17
IV. CÁC NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÂM LÝ CON NGƯỜI	17
1. Những nguyên tắc cơ bản	17
2. Các phương pháp nghiên cứu	18
Phần II : CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ	20
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA CÁC QUÁ TRÌNH TÂM LÝ	20
I. CẢM GIÁC	20
1. Định nghĩa	20
2. Đặc điểm	20
3. Phân loại	20
4. Các quy luật cơ bản của cảm giác	21
II. TRI GIÁC	23
1. Khái niệm chung	23
2. Những đặc điểm quan trọng của tri giác	24
3. Phân loại	25
4. Vai trò của tri giác trong đời sống	28
III. BIỂU TƯỢNG	29
1. Khái niệm chung	29
2. Chức năng của biểu tượng	30
3. Vai trò của biểu tượng trong quá trình tri giác	30
4. Ý nghĩa của biểu tượng trong hoạt động tâm lý	31
IV. TRÍ NHỚ	31

1. Khái niệm chung	31
2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ	32
3. Phân loại.....	33
4. Sự quên	35
V. TƯ DUY	36
1. Khái niệm chung.....	36
2. Đặc điểm.....	36
3. Các thao tác của tư duy	37
4. Các quy luật và hình thức cơ bản của tư duy	38
5. Phân loại và hệ thống hóa	39
6. Các loại tư duy và phẩm chất của nó	40
VI. TỬỞNG TƯỢNG.....	41
1. Khái niệm chung	41
2. Những cách phản ánh tái tạo hiện thực trong quá trình tưởng tượng.....	41
3. Các loại tưởng tượng	42
4. Vai trò của trí nhớ và tư duy trong tưởng tượng.....	42
Chương II : CẢM XÚC VÀ Ý CHÍ.....	44
I. CẢM XÚC.....	44
1. Khái niệm chung	44
2. Những đặc điểm cơ bản của sự rung động cảm xúc	44
3. Phân loại cảm xúc.....	45
4. Đời sống tình cảm của lứa tuổi thanh niên.	46
5. Sự phát triển của cảm xúc.....	46
II. Ý CHÍ – HÀNH ĐỘNG Ý CHÍ.....	47
1. Ý chí.....	47
2. Hành động ý chí.....	48
III. NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP.....	49
1. Ngôn ngữ.....	49
2. Giao tiếp.....	50
CHƯƠNG III. CÁ NHÂN – NHÂN CÁCH – HOẠT ĐỘNG	52
I. CÁ NHÂN	52
1. Khái niệm chung.....	52
2. Những đặc điểm tâm lý cá nhân	52
3. Bản chất sinh vật và bản chất xã hội của cá nhân.....	53
II. NHÂN CÁCH VÀ CẤU TRÚC NHÂN CÁCH.....	54
1. Nhân cách là gì ?.....	54
2. Cấu trúc của nhân cách.....	55
III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÂM LÝ HỌC HOẠT ĐỘNG.....	59
1. Khái niệm chung về hoạt động và những đặc điểm tâm lý của con người.....	59
2. Động cơ của hoạt động.	60
3. Hoạt động và tâm lý	61
4. Những dạng hoạt động cơ bản.....	61
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	64

PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ

CHƯƠNG I. TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

I. TÂM LÝ HỌC LÀ GÌ?

1. Đặt vấn đề

Thoạt xem câu hỏi này tưởng như đơn giản, vì có thể trả lời rằng đó là khoa học về Tâm lý. Nhưng nghĩ một chút thì không đơn giản như vậy. Vì sau câu trả lời vừa nói lại phải giải thích khoa học là gì? Và, cứ theo cái đà này thì còn biết bao câu hỏi xuất hiện. Như vậy, có thể nói khoa học là một chuỗi câu trả lời. Đặt ra được câu hỏi trên là bắt đầu có tri thức về lĩnh vực đó: “Biết về điều chưa biết”. Những tri thức này giữ một vai trò rất quan trọng trong nhận thức của từng người nói riêng và của cả loài người nói chung.

Đáng chú ý là khi thấy đứa trẻ đặt câu hỏi đầu tiên về một sự vật và xem đến tuổi nào thì nó “mở miệng ra là hỏi”. Sự kiện này về sau được nhà sinh lý Liên Xô (cũ) vĩ đại I.P.Paplốp đặt tên là “phản xạ có định hướng”. Đi sâu vào nghiên cứu về mặt sinh lý học cũng như về tâm lý học, phát hiện ra các quy luật của các hiện tượng đó ngày càng thấy rõ kết quả hoạt động của con người phụ thuộc rất nhiều vào cơ sở định hướng. Cơ sở này càng tốt bao nhiêu thì hoạt động dựa trên cơ sở đó càng tốt bấy nhiêu.

2. Tâm lý là gì?

Tâm lý là cuộc sống tinh thần. Cuộc sống đòi hỏi mỗi người mang nó phải có đủ các loại hiện tượng của cuộc sống. Từ chỗ phải biết kịp thời sự nóng lạnh của bầu không khí quanh ta đến chỗ có kiến thức về quy luật khí quyển, về quy luật của quá trình mỗi người cảm giác thấy một nhiệt độ nhất định tác động vào cơ thể và quá trình mỗi người phản ứng lại sự tác động đó như thế nào. Tất nhiên có chuyện khi mát ta thấy khoan khoái, khi oi bức ta thấy khó chịu. Như vậy, với con người chỉ một tác động của không khí đã gây ra một loạt các hiện tượng tâm lý cảm giác, cảm xúc, tư duy... Đây là chưa nói tới chuyện ta làm gì để tránh cái khó chịu, tăng sự khoan khoái, tức là hành động của con người trong tình huống đó. Hành động đó trong những điều kiện nhất định của tiến bộ khoa học kỹ thuật dẫn đến một hoạt động lao động sáng tạo, sản xuất một loạt các phương tiện cho mọi người giải quyết một cách hợp lý tình huống đặt ra cho con người. Cuộc sống phức tạp, đa dạng, sinh động chừng nào thì tâm lý phức tạp, đa dạng, sinh động chừng đó.

Thế giới tâm lý còn được gọi là thế giới nội tâm nhưng hoàn toàn không có nghĩa là chỉ bao gồm những hiện tượng xảy ra bên trong tâm hồn con người. Cái “bên trong” này và những gì biểu hiện ra bên ngoài ta có thể trông thấy, nghe thấy v.v... gọi tắt là cái “bên ngoài” hay thế giới hành vi không tách biệt nhau như lâu nay người ta thường nghĩ.

Ví dụ một em bé cầm bút viết, ở đây ta thấy có cả hành vi bề ngoài và cả những hiện tượng bên trong: tay cử động, mình uốn, xuất hiện dòng điện trong não... Đây là chưa nói đến trong cử động viết có cả các cử động của lưỡi, uốn môi, các cơ quan của bộ máy phát âm. Hành vi bề ngoài, cử động bên trong và các hiện tượng khác được tạm coi là thuần khiết nội tâm gắn bó với nhau chặt chẽ.

Dùng từ “thế giới nội tâm” để chỉ thế giới tâm lý là thế giới khác với thế giới của các hiện tượng vật lý, hóa học, cơ học, sinh học đồng thời cũng khác với các hiện tượng xã hội. Thế giới ấy có quy luật riêng của nó, tâm lý học nghiên cứu những quy luật đó.

Tâm lý học sẽ giúp chúng ta hiểu chính bản thân mình, hiểu được sức mạnh của tâm hồn, của ý chí, tình cảm, lý tưởng và cả những bí ẩn, những quy luật, những tiềm tàng trong con người chúng ta; cái tôi và cái chúng ta, cái bên trong và cái bên ngoài, cái vô thức và cái ý thức, cái nhớ và cái ta quên, cái ta yêu và cái ta ghét, cái ta muốn và cái ta phải... Tóm lại, bao nhiêu cái bí ẩn, huyền diệu, tinh vi, dễ thấy và khó thấy; có cái đó trong ta.

Bí ẩn không có nghĩa là huyền bí mà chính là những gì tiềm tàng, dự trữ, chưa được nhận biết, chưa được khai thác trong mỗi con người chúng ta. Chúng ta tin chắc rằng con người sẽ đẹp biết bao khi lý trí và tình cảm hài hòa, bổ sung và làm phong phú cho nhau, khi mọi người luôn luôn cố gắng trở thành “con người chân chính” có tâm hồn trong sáng, có tình thương yêu chân thành cởi mở...

Một mặt phải chống lại những lực lượng bên ngoài và bên trong con người; muốn cào bằng, đúc khuôn tâm hồn con người làm cho họ mất hết cả tính vỹ riêng, làm cho con người tự mãn và phù hoa, khoe mẽ, vênh vang...

Trong mỗi con người mà sự phát triển tự do của mọi người, như Mác đã nói: ẩn náu những lực lượng khổng lồ và chưa biết tới.

Nhân loại văn minh ngày càng đi sâu vào bí ẩn của vũ trụ, càng phát hiện ra rằng chúng ta có những năng lượng có sức nổ không đo được; chúng ta vẫn chưa biết hết những khả năng của ý thức, của tâm hồn con người, chưa biết hết cái thực thể biết tư duy kia sẽ dẫn đến những bến bờ nào...

Những sức lực, những khả năng, những kho tàng này sẽ được khám phá nếu mỗi chúng ta biết nâng niu quý trọng những cái gì có tính người và những biểu hiện độc đáo, hiếm thấy của nó, nếu chúng ta biết vun xới, phát huy nó trong bản thân chúng ta và người khác.

Tâm hồn của con người hiện đại đang bị bao nhiêu sự biến, bao nhiêu khuôn mặt, bao nhiêu cám dỗ, bao nhiêu ham muốn đang kéo về mọi phía. Mỗi ngày anh ta phải đóng bao nhiêu vai, nào vai vợ, vai chồng, vai cha, vai đồng sự, vai hàng xóm, vai hội viên, vai chiến hữu, vai anh, vai em, vai cháu, vai chất v.v... Vai nào cũng nặng trĩu và cảm thấy chẳng có vai nào gánh nổi cả. Có lúc như muốn trút đi cho đỡ nặng gánh nhưng lại thấy vai nào cũng có ý nghĩa, cũng đầy tình đầy nghĩa.

Cái bí ẩn trong tâm lý của chúng ta đôi khi nó lại lộ ra như một tia chớp giữa trời hè oi bức, khiến người ta sững sốt, lạ lẫm, tưởng như người khác nhập vào. Nhiều khi bị cuộc sống cuốn đi, con người tất bật, bận rộn, vất vả, không có lúc nào dừng lại một đôi chút tĩnh tâm để suy xét những cái gì đang xảy ra với chính mình và do mình.

Cho đến ngày nay, khoa học tâm lý với tư cách là một khoa học độc lập phần nào nó đã đem đến cho người đọc, người nghe những điều có tính quy luật của nó.

Để trả lời cho câu hỏi tâm lý học là gì? Theo các nhà tâm lý học cho rằng đó là khoa học nghiên cứu những quy luật nảy sinh, vận hành và phát triển của các hiện tượng tâm lý.

II. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ TÂM LÝ HỌC

Tâm lý học có lịch sử lâu đời. Trong nền văn minh cổ đại ở phương Đông cũng như ở phương Tây, cùng với những tư tưởng triết học, quy luật toán học v.v... đã có cả những suy nghĩ lý giải về đời sống tinh thần của con người. Đó là những viên gạch đầu tiên khai phá sự nhận thức khoa học về những hiện tượng tâm lý của con người.

1. Tâm lý học thời cổ đại

Lịch sử nhận thức khoa học nói chung, lịch sử khoa học tâm lý nói riêng trong khoảng thế kỷ V đến thế kỷ VII trước công nguyên (TCN), nhận thức khoa học đã bắt đầu bằng cách rời bỏ lối suy nghĩ thần thoại và đi sâu vào tìm tòi, phát hiện ra các quy luật khách quan về những cái tồn tại trên đời này.

Trong thần thoại Hy Lạp có đoạn viết : Trên trái đất có dãy núi Ô lanh- pơ. Ở đó có nhiều thần Hoàng quy định mọi trật tự, mọi luật lệ. Cạnh cung đình của thần hoàng có hai bồn đất, một bồn đựng điều thiện, một bồn đựng điều ác; cần thiện đức thần Hoàng lấy ở bồn số một, cần điều ác lấy đất ở bồn số hai mà ban cho thiên hạ...

Từ lối suy nghĩ thần thoại tiến đến tư duy khoa học là cả một quá trình tiến triển khách quan của hoạt động nhận thức. Đó cũng là cuộc đấu tranh chống các ý niệm, tín ngưỡng duy tâm nhằm xây dựng các quan điểm duy vật, thực sự khoa học về các mối quan hệ giữa con người và vũ trụ, con người và xã hội, con người với con người, con người với chính bản thân mình. Theo tiến trình khoa học, càng đi sâu vào các mối quan hệ ấy, cuộc đấu tranh chống tư tưởng duy tâm thần bí ngày càng mạnh mẽ và quyết liệt hơn, đồng thời các quan điểm duy vật và khoa học cũng từng bước được khẳng định và hình thành rõ nét hơn.

Trong lịch sử tư tưởng cổ Hy Lạp có Đêmôcơrite (460-370 TCN) đại biểu cho phái duy vật thời đó, coi “Tâm hồn” cũng là một dạng của vật thể, mang tính chất của cơ thể. Dạng vật thể này do các “nguyên tử lửa”- các hạt tròn, nhẵn vận động theo tốc độ nhanh nhất trong cơ thể tạo ra. Như vậy, đương nhiên “Tâm hồn” cũng tuân theo các quy luật tán xạ của vật lý.

Trước Đêmôcơrite, Hêracơlite (530-470 TCN) cũng đã cho rằng: Tâm lý là “hồn lửa” mà phương Đông gọi là “lửa lòng”. Để thoát khỏi cách suy nghĩ thần thoại, ông đã đặt “Tâm hồn” vào sự vận động chung của cơ thể và vũ trụ. Từ đó khẳng định rằng thế giới hiện thực (tự nhiên và xã hội) có quy luật riêng của nó.

Vì sao có thể khẳng định được như vậy ? Xuất phát từ quan niệm cho rằng: cơ sở ban đầu của thế giới hiện thực là “ngọn lửa vũ trụ”. Ngọn lửa này là cái chung (cái toàn thể) của thế giới hiện thực. Mọi sự vật đều là “lửa” biến dạng đi và con người có thể quan sát và suy nghĩ theo cái toàn thể ấy, có thể tìm ra quy luật của thế giới cơ thể có tâm hồn. Tâm hồn, tâm lý chính là chất lửa ban đầu trong cơ thể. Nó được sinh ra trong các quá trình chuyển hóa qua lại giữa “dạng lửa” và “dạng nước” trong cơ thể. Từ đây nhiều khi người ta gọi người “ướt át” là người giàu tình cảm, dễ xúc động, và người “khô khan” là người ít cảm xúc, nhưng mạnh mẽ về lí trí, về nguyên tắc.v.v...

Một nét đặc trưng trong Tâm lý con người được tư duy khoa học thời cổ chú ý tới là: Con người có thuộc tính nhận thức chính bản thân và suy nghĩ. Châm ngôn “hãy nhận thức chính bản thân” (Hãy tự biết mình) là sản phẩm tư tưởng của thời đó do Socơrate (470-399TCN) phát biểu. Thế là bên cạnh các mối quan hệ với thế giới tự nhiên, với xã hội, với người khác, nhận thức khoa học đã đặc biệt chú ý tới quan hệ của con người với chính bản thân. Đó là một tư tưởng giữ vai trò quan trọng đối với sự ra đời của khoa học Tâm lý, khẳng định có một loại hiện tượng đòi hỏi phải được nghiên cứu, được nhận thức, phải tìm ra các quy luật của các hiện tượng đó. Nhưng đồng thời chính ở đây cũng chứa đựng mầm mống của một quan niệm duy tâm về Tâm lý con người. Từ chỗ ghi nhận con người có thuộc tính tự nhận thức bản thân và coi đó là thuộc tính quan trọng đi đến chỗ coi tâm lý là nguyên lý chủ đạo trong con người, từ đó xem nhẹ hoạt động vật chất bên ngoài, trong đó có lao động chân tay, coi thuộc tính đó hầu như là khả năng duy nhất để nhận thức tâm lý con người. Quan niệm này ta thấy ở Platon (437-347TCN) cho

rằng: tâm hồn, tâm lý, tư tưởng là cái có trước; thế giới thực tiễn là cái có sau. Cái có trước là cái thuộc về “trí tuệ vốn có” trong vũ trụ. Trí tuệ này chính là nguyên tắc điều khiển sự vận động của mọi tồn tại. Từ đó kết luận rằng : Tâm hồn là động lực của cơ thể, nó quyết định sự hoạt động của cơ thể.

Có một điều thú vị là từ thời cổ xưa tri thức của loài người đã đề cập tới các thành phần của tâm lý con người. Coi tâm hồn bao gồm có lý trí, tình cảm và lòng say mê. Các nhà khoa học có tư tưởng duy vật đã có ý muốn định khu các thành phần cấu tạo nên tâm hồn ở ngay chính trong cơ thể con người : Lý trí ở trong đầu, tình cảm ở ngực (tim), lòng say mê ở gan. Cũng có quan niệm khác cho rằng : khí huyết trong con người là nguồn gốc của mọi hiện tượng tinh thần. Tâm hồn con người được coi như một dòng không khí đi từ tim ra sau đó phân hoá thành lý trí được định khu trong tim và tình cảm trong gan. Đôi khi người ta gộp chung chúng lại và qui về xoang bụng (cái bụng nghĩ). Và, từ “lòng người” được dùng để chỉ điều suy nghĩ, thái độ cư xử, tính tình v.v... Một thành tựu của các nhà tư tưởng duy vật thời cổ về tâm lý con người được truyền tụng đến ngày nay là cách phân loại tính khí. Người ta dựa vào một số thành phần vật chất của cơ thể như máu, mật, niêm dịch và khí.

Sau này người ta vẫn dùng từ “hồn” để chỉ những gì đặc trưng rất thiêng liêng của con người: “hồn tử sĩ gió ù ù thổi” (Chinh phụ ngâm). Hoặc chỉ thế giới tinh thần của một dân tộc: “hồn ta đây , bốn ngàn năm thế đấy” (Chế Lan Viên). Vẫn dùng “lòng người” để gộp toàn bộ tâm trạng, suy tư và mong ước v.v... Nguyễn Trãi đã từng đề xuất và thực hiện tài tình chiến thuật “công tâm” (đánh vào lòng người). Nguồn gốc của việc tìm cấu trúc đời sống tinh thần có thể tìm thấy trong “Bàn về tâm hồn” của Aristote (384-322TCN) tác phẩm tâm lý học đầu tiên trong toàn bộ lịch sử của khoa học này. Ông sinh ra ở miền bắc Hy Lạp, thuộc tỉnh Xtaghira, con một người làm nghề thầy thuốc, làm việc trong cung đình nhà vua Maxedon. Thoạt đầu gia đình định cho ông đi học các môn về khoa học tự nhiên để sau này theo nghề y của bố. Đến năm lên 17 tuổi , ông tới Aten vào học tại học viện của Platon (lúc đó 60 tuổi) – người đại diện cho trường phái duy tâm chủ nghĩa thời bấy giờ. Nhưng sau đó ông đã lên tiếng phê phán chỗ sai lầm của học thuyết Platon. Sống ở Aten 20 năm, ông rời sang Tiểu Á làm nghề dạy học và nghiên cứu khoa học. Về già ông quay về Aten và lập trường dạy học. Ở đây ông đã nghiên cứu sinh vật, trong đó có các mẫu cây cỏ, cầm thú do người học trò của ông gửi từ chiến trường về. Ông mất vào năm 322 TCN, thọ 62 tuổi.

Ông viết tác phẩm “Bàn về tâm hồn” thành ba cuốn được chia thành 30 chương. Ông là một trong những người đầu tiên khẳng định vị trí và tầm quan trọng của việc nghiên cứu tâm lý vì một lẽ đơn giản là “con người cảm nghĩ, học hỏi đều bằng tâm hồn cả”. Xuất phát từ quan niệm cho rằng “tâm hồn là hoạt động của cơ thể sống”, ông đi đến kết luận có ba loại tâm hồn :Tâm hồn dinh dưỡng, chức năng của nó là nuôi dưỡng và sinh nở , thứ hai là tâm hồn cảm giác có chức năng là cảm thụ, mong ước và vận động, thứ ba là tâm hồn suy nghĩ với chức năng lập luận, lý giải, tưởng tượng...Đó cũng chính là ba loại năng lực của con người nói chung.

2. Tâm lý học cận đại

(Thời kỳ TÂM LÝ HỌC với tư cách là một khoa học độc lập).

Từ sau nền văn minh cổ đại, nhân loại đã phải trải qua một thời kỳ trung cổ tối tăm với cuộc sống mông muội đầy rẫy những quan niệm, tín ngưỡng duy tâm. Mãi đến thế kỷ thứ XVII, trong lịch sử của khoa học tâm lý có một mốc mới gắn liền với tên tuổi của Decartes (1596-1650) một nhà triết học, toán học , sinh lý học vĩ đại người Pháp. Công lao lớn nhất của ông đối với khoa học tâm lý là đưa phương pháp thực nghiệm vào nghiên cứu tâm hồn con người. Chịu ảnh hưởng của thời đại bắt đầu cơ giới hóa, phương pháp này được thực hiện bằng khái niệm phản xạ, vận dụng vào để nghiên cứu các

hiện tượng tinh thần của con người: coi những hiện tượng đó là kết quả của sự tác động từ thế giới bên ngoài vào và theo một đường cụ thể trong cơ thể. Nhưng phương pháp và khái niệm này bị giới hạn trong các hiện tượng tâm lý đơn giản như cảm giác, nhận biết sự vật. Còn các hiện tượng tâm lý cấp cao như tư duy trừu tượng thì lúc nào cũng độc lập với các hiện tượng cụ thể. Quan niệm vừa duy tâm vừa duy vật đó có ảnh hưởng to lớn và dai dẳng đối với sự phát triển của tâm lý học trong suốt mấy năm qua.

Trong thời gian này có nhà bác học vĩ đại người Anh là Darwin (1809-1882) đã đề xuất "học thuyết tiến hóa" nổi tiếng. Sechenop (1829-1905) nhà bác học vĩ đại người Nga quan niệm "mọi hiện tượng tâm lý về nguồn gốc đều là phản xạ" đã giữ một vị trí quan trọng góp phần thúc đẩy một nền tâm lý học duy vật.

Giai đoạn chuẩn bị cho khoa học tâm lý xuất hiện với tư cách là một khoa học độc lập được kết thúc bằng các tác phẩm của nhà bác học người Đức : Wundt (1832-1920). Vào năm 1879 tại Leipzig nước Đức ông đã sáng lập ra phòng thí nghiệm tâm lý học đầu tiên trên thế giới, một năm sau phòng thí nghiệm này trở thành Viện tâm lý học đầu tiên trên thế giới – một trung tâm đào tạo cán bộ tâm lý học cho châu Âu lẫn châu Mỹ thời bấy giờ. Ông đã góp phần xứng đáng vào việc tổ chức cơ quan ngôn luận tâm lý học và hội nghị tâm lý quốc tế lần thứ nhất tại Paris vào năm 1889. Năm 1879 gắn với phòng thí nghiệm tâm lý học đầu tiên do Wundt lập ra, nên nhiều khi sự ra đời của tâm lý học với tư cách là một khoa học độc lập chỉ gắn với tên tuổi của Wundt. Công bằng mà nói, ông đã có công lao vô cùng to lớn trong sử mệnh lịch sử này. Chính ông đã đóng góp phần quyết định làm thỏa mãn cần thiết cho sự ra đời của một khoa học.

Những điều kiện đó là :

- + Khẳng định được đối tượng của khoa học đó,
- + Đội ngũ cán bộ nghiên cứu,
- + Phương pháp nghiên cứu tương ứng,
- + Phương tiện nghiên cứu,
- + Thông tin khoa học,
- + Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của các công trình nghiên cứu,

3. Sự bế tắc của tâm lý học duy tâm

Cùng với các công trình nghiên cứu của Hemhoxo, Phecne, Vebe, Dondec, Saco... một số công trình nghiên cứu của Wundt và các người cộng tác tiến hành trong suốt hơn nửa thế kỷ đã đánh chính một điểm trong bản phân loại khoa học của Ô. Công tơ (1798-1857) nhà triết học Pháp, người khởi xướng thuyết thực chứng đề ra. Trong bảng phân loại này không có tâm lý học, vì một lẽ là theo tâm lý học cũ thì không thể nào có cách nghiên cứu theo kiểu thực nghiệm, do đó không thể có dữ kiện có thể chứng kiến được. Các phòng thí nghiệm sinh lý học giác quan, tâm lý học, đo thời gian phản ứng nghiên cứu tâm lý học theo tinh thần tiến hóa, phát triển từ động vật lên người, từ thời trẻ con cho đến người lớn... các phương pháp tương ứng như đã nói ở trên cùng với một số việc làm khác, đã bắt đầu khẳng định được chỗ đứng của tâm lý học. Nhưng muốn khẳng định thực sự, muốn tâm lý học phát triển còn phải làm rất nhiều. Trong sử nghiệp lịch sử đó, thế hệ các nhà tâm lý học cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đã đóng góp rất nhiều để phủ định tâm lý học nội quan, nhị nguyên mà đỉnh cao là các công trình tâm lý học do Wundt chủ trương. Đó cũng là yêu cầu khách quan thúc đẩy tâm lý học tiến lên để khắc phục

những bế tắc đó. Và, điều quan trọng hơn là ngày càng đáp ứng được nhiều hơn những yêu cầu của cuộc sống.

Sự bế tắc do tâm lý học của Wundt càng bộc lộ rõ khi nó được đưa vào nước Mỹ, Nga hồi cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ thứ XX. Một trong những học trò xuất sắc của Wundt là Tittrene, như các nhà tâm lý học thời đó gọi ông là đại diện toàn quyền của tâm lý học nội quan ở Mỹ. Tittrene gọi tâm lý học của mình là tâm lý cấu trúc, tức là một thứ tâm lý coi tâm hồn là tổ hợp nhiều quá trình xảy ra trong tôi với tính cách là kinh nghiệm chủ quan. Tâm lý học chủ quan của Tittrene không quan tâm gì đến vai trò, đến tính biểu hiện của tâm lý trong cuộc sống thực của con người. Tâm lý học hoàn toàn tách rời khỏi cuộc sống, tách rời khỏi công tác thực tiễn, kể cả công tác sư phạm, giáo dục. Chính vì vậy, tâm lý học duy tâm của Wundt đã bế tắc, tâm lý học của Tittrene càng bế tắc hơn.

Sự bế tắc của tâm lý học duy tâm nội quan ngày càng bộc lộ rõ rệt. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX nổi lên phong trào chống tâm lý học duy tâm nội quan. Trong các nhà tâm lý học người Đức có: Đintay (1833 – 1911) và Spöranche (1882 – 1963) đề nghị bỏ hẳn tâm lý học của Wundt. Vì theo hai ông tâm lý học của Wundt chỉ là tâm lý học giảng giải lấy hiện tượng tâm lý này để giải thích hiện tượng tâm lý kia, hai ông gọi tâm lý học mà hai tác giả chủ trương là tâm lý học mô tả. Hai ông cho rằng đối với thế giới tự nhiên thì giải thích để mà hiểu còn đối với thế giới tâm hồn thì phải thông cảm, thấu hiểu, có thông cảm thấu hiểu thì mới ” tóm ” được sự kiện, hiện tượng tâm lý.

Thật ra các sự kiện, hiện tượng này cũng là những thứ trong vòng ý thức khép kín, cũng vẫn là các sự kiện và các hiện tượng được chủ thể hoá của chúng trải nghiệm thấy. Vì vậy, tâm lý học giảng giải và tâm lý học mô tả chẳng có gì khác nhau lắm, thực chất vẫn là một mà thôi. Một bên đi từ các yếu tố tâm lý, quy nạp dần dần lên thành đời sống tâm lý con người. Một bên khác đi từ chỗ thấu tóm, thấu hiểu được cả đời sống tinh thần của con người diễn dịch ra các yếu tố tâm lý.

Đintay còn có ý kiến rất lý thú : chỉ có lịch sử mới giúp ta hiểu được tâm hồn. Nhưng quan niệm về lịch sử của ông hoàn toàn duy tâm khách quan, tức là coi lịch sử là kết quả của “ hồn thế giới “. Sau khi “hồn” du nhập vào từng con người, các hiện tượng tâm lý và các mối liên hệ của chúng lại khép kín trong vòng ý thức mà chỉ người mang các hiện tượng ấy mới thấu hiểu, thấu tóm được. Thực ra đời sống tâm lý chỉ là một mặt của đời sống thực của con người, hoạt động tinh thần bên trong và hoạt động vật chất, sản xuất bên ngoài quan hệ chặt chẽ với nhau. Đúng là phải từ lịch sử loài người, lịch sử của sản xuất, lịch sử của văn hoá để đi đến tâm lý con người.

Vì vậy, những người làm công tác giáo dục phải biết được lý thuyết quan hệ với thực hành, các nguồn gốc tâm lý của trẻ, con đường phát triển tâm lý của trẻ. Nhờ giáo dục theo diện rộng (từ nhà trường, gia đình đến xã hội) nên những người đi học có được một khả năng nhất định, có thể đóng góp, tiếp tục duy trì, sáng tạo, phát triển nền văn minh của loài người. Nghiên cứu và giải quyết những vấn đề này hoàn toàn có lợi cho cuộc sống. Và đó cũng là con đường giải thoát nền tâm lý học duy tâm nội quan ra khỏi những bế tắc kinh niên.

4. Tâm lý học thế kỷ XX

(Những năm đầu thế kỷ: nêu ba trường phái chính)

Với ý đồ khắc phục những khó khăn do tâm lý học duy tâm để lại dựa vào những thành tựu của Tâm lý học Y học, Tâm lý học Vật lý học, Tâm lý học Động vật học. Các nhà Tâm lý học (TLH) đi theo con đường khách quan: đó là TLH phân tâm, TLH Ghestan, TLH hành vi.

a. Tâm lý học phân tâm của Freud (1856 – 1939)

Là bác sĩ người Áo khởi xướng. Ông cho rằng muốn có TLH khách quan thì khoa học đó phải đi vào cuộc sống thực của con người – một ý kiến thật đáng hoan nghênh. Nhưng, cuộc sống thực của con người ở đây là gì ? Theo thuyết của Freud thì con người là tổ hợp của ba khối:

- Bản năng (cái vô thức)
 - Cái tôi (cuộc sống thực tại)
 - Cái siêu tôi (ý thức về những chuẩn mực xã hội)
- * Đó là ba mảnh của một con người- mỗi mảnh sinh hoạt theo một nguyên tắc :
- Mảnh thứ nhất (bản năng) theo nguyên tắc thoả mãn
 - Mảnh thứ hai (cái tôi) theo nguyên tắc hiện thực
 - Mảnh thứ ba (cái siêu tôi) theo nguyên tắc phê phán.

Toàn bộ cuộc sống của con người là sự mâu thuẫn liên tục giữa ba khối, cái này xô đẩy cái kia.

Tâm lý con người về bản chất chính là sự biểu hiện của các hiện tượng vô thức, của sự đam mê tình dục.

Ví dụ minh hoạ: xem câu chuyện Ở đíp làm vua của nhà soạn kịch cổ đại Hy Lạp Xôphoclos (497-406 TCN) hay có sách gọi là Xô phốc

* Tâm lý học phân tâm là một thứ triết học của những người “trung bình chủ nghĩa “ những người sống gấp tranh thủ hưởng thụ, trốn tránh cuộc đấu tranh xã hội. Ông quy về số không (0) cái ý thức và đề cao cái vô thức.

b. Tâm lý học Ghestan

Do Wertheimer (1880 – 1943), Koffka (1886- 1941) và Ko’hler (1887 – 1967) sáng lập ra ở Đức.

Ghestan – tiếng Đức có nghĩa là toàn vẹn, là cấu trúc (xem thêm bài báo với nhan đề “ tâm lý học Ghestan với văn học của tác giả Phương Lựu đăng trên báo Báo văn nghệ số 22 (1794) ngày 28 tháng 05 năm 1994, trang 09).

Phái này muốn tìm cách nghiên cứu khách quan cho Tâm lý học: đi từ cấu trúc của sự vật tới cấu trúc của tâm lý. Sự vật bao giờ cũng toàn vẹn, do đó cấu trúc tâm lý cũng vậy.

Theo phái này chỉ thấy cấu trúc của vật thể là nguyên nhân ban đầu quyết định cấu trúc của tâm lý. Trường phái này còn coi não vốn có khả năng toàn vẹn, khả năng bù đắp hiểu. Cho nên con đường khách quan do tâm lý học Ghestan đề ra không đi xa hơn thuyết lấy sinh lý quyết định tâm lý tức là khách quan nửa vời.

c. Tâm lý học hành vi

Mốc mới trên đường xây dựng Tâm lý học khách quan là chủ nghĩa hành vi do Watson (1878-1958) mở đầu ở Mỹ. Dòng tâm lý học này chỉ nghiên cứu mặt cử động, những phản ứng từ bên ngoài là cái có thể quan sát, có thể ghi chép và đo đạc được.

Có thể thu gọn vào công thức sau: S _ R